

**MỤC LỤC**

**Chuyên mục: THÔNG TIN & TRAO ĐỔI**

- Phạm Hồng Trường, Hoàng Thanh Hải** - Tối thiểu hóa thời gian chậm trễ tối đa khi thực hiện giải quyết các công việc trong nhà máy chỉ có một dây chuyền sản xuất..... 2
- Nguyễn Đức Thu, La Quý Dương** - Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội đến ý định chuyển việc của nhân viên tại các doanh nghiệp sản xuất gạch tại tỉnh Thái Nguyên ..... 6
- Phạm Thị Thanh Mai, Trần Thị Kim Oanh, Hà Kiều Trang** - Thực hành kinh doanh sản phẩm handmade từ nguyên vật liệu tái chế..... 11
- Lê Ngọc Nương, Cao Thị Thanh Phượng** - Chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp tỉnh Thái Nguyên thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0..... 17

**Chuyên mục: KINH TẾ & QUẢN LÝ**

- Aaron Kingsbury, Dương Hoài An, Phạm Văn Tuấn** - Tác động của biến đổi khí hậu đến ngành sản xuất chè: Trường hợp tại tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam ..... 23
- Dương Thị Huyền Trang, Nguyễn Như Quỳnh, Lê Thị Thanh Thương** - Phân tích biến động hiệu quả kinh tế trồng bưởi diển tại xã Tân Quang - Thành phố Sông Công – Tỉnh Thái Nguyên..... 32
- Nguyễn Thị Nhung, Trịnh Thị Thu Trang** - Phát triển mô hình hợp tác xã ở các tỉnh trung du, miền núi phía bắc trong giai đoạn cách mạng công nghiệp 4.0 ..... 38
- Nguyễn Ngọc Lý, Nguyễn Thị Thúy Linh** - Kết quả thực hiện chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ..... 48
- Dương Hoài An, Hoàng Văn Cường, Đỗ Xuân Luận, Nông Ngọc Hưng** - Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình trồng hồi tại huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn: Nghiên cứu số liệu chuỗi..... 54
- Nguyễn Việt Dũng, Dương Thanh Tinh** - Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Bắc Ninh thực trạng và giải pháp..... 60

**Chuyên mục: QUẢN TRỊ KINH DOANH & MARKETING**

- Zhou Xiao Hong, Bùi Thị Thúy** - Tại sao người dùng lại sáng tạo nội dung - Ứng dụng của thuyết hành vi có kế hoạch..... 65
- Vũ Bạch Diệp, Nguyễn Thị Phương Thảo, Ngô Hoài Thu** - Phân tích các yếu tố tác động đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU bằng mô hình trọng lực ..... 72

**Chuyên mục: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

- Nguyễn Thị Thùy Trang, Nguyễn Thị Thu Trang** - Một số vấn đề pháp lý về tranh chấp liên quan đến chủ thể của hợp đồng tín dụng ..... 79
- Nguyễn Thị Tuấn, Nguyễn Thị Dung** - Vai trò của kiểm toán nội bộ đối với kiểm soát nội bộ trong Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên..... 85
- Hoàng Thanh Hải, Trần Đình Chúc, Nguyễn Quỳnh Hoa** - Mô hình hồi quy logistic trong đo lường xác suất vỡ nợ khách hàng tín dụng cá nhân..... 92

## PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU BẰNG MÔ HÌNH TRỌNG LỰC

Vũ Bạch Diệp<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Phương Thảo<sup>2</sup>,  
Ngô Hoài Thu<sup>3</sup>

### Tóm tắt

Bài nghiên cứu sử dụng mô hình trọng lực mở rộng để phân tích các yếu tố tác động đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU trong giai đoạn 2005-2017. Kết quả ước lượng mô hình cho thấy, các yếu tố: GDP, dân số, chất lượng thể chế và việc gia nhập WTO có tác động cùng chiều; các yếu tố: Khoảng cách địa lý, khoảng cách công nghệ có tác động ngược chiều tới kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, tác động của yếu tố “lịch sử” là âm nhưng không có ý nghĩa thống kê. Những kết quả này có thể giúp chính phủ và các cơ quan thực thi chính sách một số gợi ý giải pháp để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường EU.

**Từ khóa:** Xuất khẩu hàng hóa, Việt Nam, thị trường EU, dữ liệu mảng, mô hình trọng lực mở rộng.

### ANALYSIS OF FACTORS INFLUENCING VIETNAM'S EXPORTS TO THE EU MARKET USING THE GRAVITY MODEL

#### Abstract

This paper employs the extended gravity model to analyze factors affecting Vietnam's exports to the EU market over the period 2005-2017. The empirical results show that GDP, population, institutional quality and the dummy “WTO” have positive impacts. Meanwhile, geographical distance and technological gap impede exports. In addition, “history” variable has negative and insignificant impact on exports. Based on the empirical results, several policy recommendations are proposed to help the government and policy makers to boost exports to the EU market.

**Key words:** Exports, Vietnam, the EU market, the extended gravity model.

### 1. Đặt vấn đề

Liên minh châu Âu (EU) là thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn thứ hai của Việt Nam hiện nay. Giai đoạn 2005 - 2017, kim ngạch xuất khẩu (KNXK) sang thị trường này có xu hướng liên tục gia tăng. Năm 2017, KNXK sang EU đạt 38,25 tỷ USD, chiếm 17,78% KNXK nước ta [13].

Tuy vậy, vị trí của hàng hóa Việt Nam tại thị trường EU còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển giữa hai bên. Năm 2017, hàng hóa nước ta mới chiếm khoảng 1% kim ngạch nhập khẩu (KNNK) của EU [13]. Do vậy, việc xác định các yếu tố tác động đến xuất khẩu hàng hóa (XKHH) của nước ta sang thị trường này có tính cấp thiết cao.

Những năm gần đây, mô hình trọng lực là công cụ phổ biến được sử dụng để lượng hóa tác động của các yếu tố tới dòng thương mại quốc tế. Bài nghiên cứu ứng dụng mô hình (MH) để xác định các yếu tố tác động và mức độ tác động của các yếu tố này đến XKHH của Việt Nam sang thị trường EU, từ đó, đề xuất một số gợi ý giải pháp nhằm đẩy mạnh XKHH trong giai đoạn tiếp theo.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Mô hình trọng lực

Tinbergen (1962) và Poyhonen (1963) là những nhà nghiên cứu đầu tiên ứng dụng mô hình trọng lực trong phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quy mô dòng thương mại quốc tế. Theo định luật vạn vật hấp dẫn của Newton (1687), mô hình này phản ánh rằng quy mô thương mại giữa 2 quốc gia tỷ lệ thuận với GDP của các quốc gia và tỷ lệ nghịch với khoảng cách địa lý giữa chúng. Nghiên cứu của Hatab và cộng sự (2010) cho thấy, mô hình trọng lực có dạng tổng quát của như sau:

$$X_{ij} = b_0 Y_i^{b_1} Y_j^{b_2} D_{ij}^{b_3} \quad (1)$$

Trong đó:  $X_{ij}$ : Kim ngạch xuất khẩu từ nước  $i$  sang nước  $j$ ;  $Y_i$  và  $Y_j$ : GDP của nước  $i$  và  $j$ ;  $D_{ij}$  là khoảng cách địa lý giữa 2 quốc gia  $i$  và  $j$ .

Ban đầu, mô hình trọng lực bị phê phán là thiếu nền tảng lý thuyết. Tuy nhiên, những nghiên cứu sau này đã bổ sung nền tảng lý thuyết và thực nghiệm cho mô hình (thông qua các biến độc lập mới). Một số biến độc lập mới phổ

biến là: GDP bình quân đầu người, tỷ giá hối đoái, độ mở của nền kinh tế, v.v... Trên cơ sở mô hình tổng quát và các nghiên cứu thực nghiệm, bài nghiên cứu bổ sung 4 yếu tố sau vào MH trọng lực mở rộng: (1): Chất lượng thể chế, (2): khoảng cách công nghệ, và các biến giả (3): “Lịch sử”, (4): “WTO”. Cơ sở khoa học sử dụng các yếu tố này trong MH được diễn giải như sau:

Về “chất lượng thể chế”: Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam – EU (EVFTA) đã chính thức kết thúc đàm phán. Tuy vậy, để EVFTA mang lại lợi ích như kỳ vọng thì yêu cầu cấp bách đặt ra hiện nay là nước ta cần phải cải cách thể chế. Thể chế vốn là điểm yếu phổ biến của những nền kinh tế đang chuyển đổi như Việt Nam. Bài nghiên cứu kế thừa phân tích thực nghiệm của Eyayu (2014) để lượng hóa tác động của yếu tố này trong mô hình.

Về “khoảng cách công nghệ”: Do khoảng cách công nghệ giữa Việt Nam và các nước phát triển cao của EU còn rất lớn nên ảnh hưởng của yếu tố này đến KNXX cần được xác định. Việc tính toán chỉ tiêu này dựa trên nghiên cứu thực nghiệm của Filippini và cộng sự (2003).

Về yếu tố “WTO”: Trong bối cảnh tự do hóa toàn cầu hiện nay, việc “tham gia Hiệp định Thương mại Khu vực” là tất yếu và cần được phản ánh trong MH.

Về yếu tố “Lịch sử”: Việt Nam từng là thuộc địa của 2 thành viên lớn của EU là Anh, Pháp nên biến giả “Lịch sử” được sử dụng để nhấn mạnh ảnh hưởng của điều kiện này tới hoạt động ngoại thương.

Ngoài ra, nhằm phản ánh rõ hơn tác động của các yếu tố tới KNXX, bài nghiên cứu sử dụng kỹ thuật gộp biến (nhân yếu tố của nước xuất khẩu với yếu tố tương ứng của nước nhập khẩu). Đây là phương pháp được nhiều nghiên cứu thực nghiệm ở Việt Nam như: Do Tri Thai (2006), Từ Thúy Anh và cs (2008), Đỗ Thị Hòa Nhã (2018)... sử dụng.

Tóm lại, bài nghiên cứu đề xuất mô hình trọng lực mở rộng để phân tích các yếu tố tác động đến XKHH của Việt Nam sang thị trường EU như sau:

$$\ln(EX_{ijt}) = b_0 + b_1 + b_1 \ln(GDP_{it}' GDP_{jt}) + b_2 \ln(POP_{jt}' POP_{jt}) + b_3 \ln(DIST_{ij}) + b_4 \ln(INST_{it}' INST_{jt}) + b_5 TECHDIST_{ijt} + b_6 WTO + b_7 HIS + u_{ijt} \quad (2).$$

Trong đó:  $i$ : Nước xuất khẩu (Việt Nam);  $j$  ( $j = 1, 2, \dots, 26$ ): Nước nhập khẩu là thành viên EU ( Bài nghiên cứu không xem xét 2 nước Croatia và Luxembourg, bởi vì Croatia mới gia nhập vào EU năm 2014, còn nước Luxembourg có trao đổi thương mại không đáng kể với Việt Nam. Tuy nhiên, Anh vẫn được phân tích vì đến hiện tại, nước này vẫn chưa chính thức rời khỏi EU);  $t = 2005, 2006, \dots, 2016, 2017$ ;  $EX_{ijt}$ : KNXX từ nước  $i$  sang nước  $j$  năm  $t$ ;  $GDP_{it}, GDP_{jt}$ : GDP nước  $i$  và nước  $j$  năm  $t$ ;  $POP_{it}, POP_{jt}$ : Dân số của nước  $i$  và nước  $j$  năm  $t$ ;  $DIST_{ij}$ : Khoảng cách địa lý giữa nước  $i$  và nước  $j$ ;  $INST_{it}$  và  $INST_{jt}$ : Chất lượng thể chế của nước  $i$  và nước  $j$  năm  $t$ .  $TECHDIST_{ijt}$ : Khoảng cách công nghệ giữa nước  $i$  và nước  $j$  trong năm  $t$  (Do một số giá trị khoảng cách công nghệ nhận kết quả trong khoảng (0,1) nên MH không lấy ln hóa đối với hệ số này;  $WTO$ : Biến giả được sử dụng trong mô hình để đánh giá tác động của việc gia nhập WTO đến KNXX ( $WTO = 1$  nếu nước  $i$  và  $j$  đã tham gia WTO, ngược lại,  $WTO = 0$ ),  $HIS$ : Biến giả “Lịch sử” ( $HIS = 1$  nếu nước  $i$  từng là thuộc địa của nước  $j$ , ngược lại,  $HIS = 0$ ),  $u_{ijt}$ : Sai số của mô hình.

Giả thuyết nghiên cứu: Đặc điểm nổi bật trong quan hệ thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đó là Việt Nam là nước xuất siêu sang thị trường EU. Vì vậy, bài nghiên cứu kỳ vọng các yếu tố:  $GDP, POP, INST, WTO, HIS$  có tác động cùng chiều tới KNXX. Nguyên nhân là vì các yếu tố này càng tăng thì quy mô nền kinh tế, quy mô thị trường ( $GDP, POP$ ), các yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại quốc tế ( $INST, WTO, HIS$ ) sẽ gia tăng, kích thích xuất khẩu.

Ngược lại, các yếu tố:  $DIST, TECHDIST$  được kỳ vọng có tác động ngược chiều tới KNXX bởi vì  $DIST, TECHDIST$  càng tăng thì chi phí vận chuyển, khoảng cách công nghệ giữa hai quốc gia càng lớn, tác động càng tiêu cực tới xuất khẩu.

## 2.2. Nguồn dữ liệu của mô hình

Bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp. Các dữ liệu về: Kim ngạch xuất khẩu, tổng sản phẩm quốc nội, dân số được khai thác và tính toán từ Cơ sở Thống kê dữ liệu Thương mại tiêu dùng của Liên Hợp Quốc (UN Comtrade) [13]. Các dữ liệu: Chất lượng thể chế, khoảng cách công nghệ được

tính toán từ báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) [2]. Thông tin về khoảng cách địa lý được khai thác từ <http://www.timeanddate.com> [6].

**2.3. Phương pháp kiểm định và ước lượng mô hình**

Quá trình kiểm định và ước lượng MH được thực hiện bằng phần mềm Stata 11, với 3 bước sau:

**Bước 1:** Lựa chọn loại MH phù hợp thông qua 2 kiểm định là Breusch-Pagan Lagrange (LM) và Hausman.

Kiểm định LM được thực hiện để lựa chọn sự phù hợp giữa mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (REM) và OLS.

Nếu mô hình hiệu ứng mảng phù hợp, Kiểm định Hausman được thực hiện để lựa chọn sự phù hợp giữa mô hình REM và hiệu ứng cố định (FEM).

**Bước 2:** Sử dụng kiểm định phù hợp để phát hiện và khắc phục các khuyết tật cơ bản của mô hình. Các khuyết tật điển hình là: Đa cộng tuyến, tự tương quan và phương sai sai số thay đổi.

Đối với hiện tượng đa cộng tuyến: Bài nghiên cứu sử dụng ma trận tương quan để xem xét mức độ tương quan giữa các biến độc lập.

Đối với hiện tượng tự tương quan: Sử dụng kiểm định Lagrange-Multiplier.

Đối với hiện tượng phương sai sai số thay đổi: Sử dụng kiểm định Wald trong FEM; kiểm định nhân tử Lagrange trong REM.

**Bước 3:** Khắc phục các khuyết tật của MH và lượng hóa tác động của các yếu tố tới KNXX.

**3. Kết quả nghiên cứu**

**3.1. Khái quát về hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam**

Trong giai đoạn 2005 - 2017, hoạt động XKHH của Việt Nam đã đạt được một số kết quả khá ấn tượng (*Bảng 1*). Về xuất khẩu, KNXX đã tăng gấp 6,6 lần, từ 32,447 tỷ USD năm 2005 lên 215,12 tỷ USD năm 2017, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17,03%. Về nhập khẩu, KNNK tăng 6,5 lần, từ 32,64 tỷ USD năm 2005 lên 212,48 tỷ USD năm 2017, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 16,90%. Về cán cân thương mại, từ một nền kinh tế nhập siêu năm 2005, Việt Nam đã vươn lên trở thành nền kinh tế xuất siêu với thặng dư thương mại năm 2017 là 2,64 tỷ USD. Điều này cho thấy, mục tiêu xây dựng nền kinh tế hướng về xuất khẩu của Việt Nam đang dần được hiện thực.

**Bảng 1: Tăng trưởng ngoại thương của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2017**

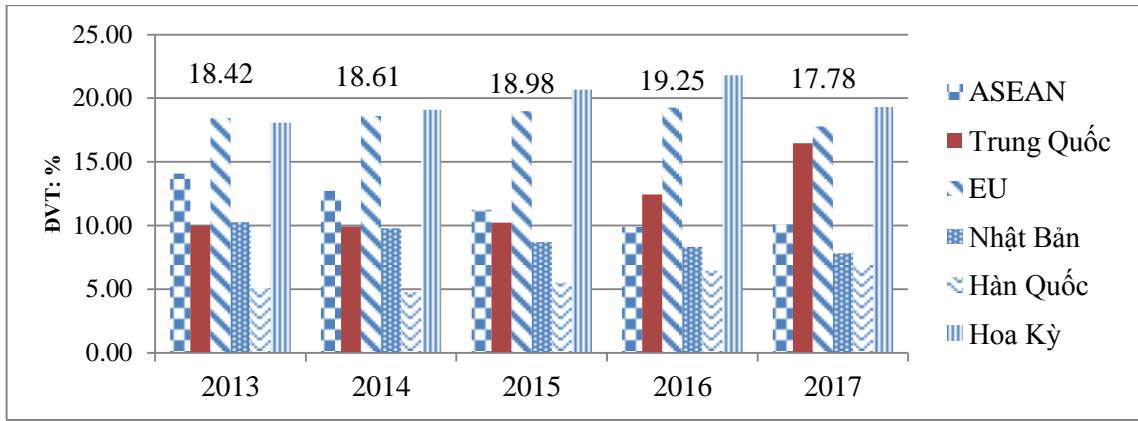
*DVT: Tỷ USD*

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2017	Tốc độ tăng trưởng bình quân (%)
1. KNXX	32,45	215,12	17,03
2. KNNK	32,64	212,48	16,90
3. Cán cân thương mại	- 0,19	2,64	-

Tuy vậy, hoạt động XKHH của Việt Nam đang bị mất cân đối khá lớn. Số liệu hình 1 mô tả các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam giai đoạn 2013 -2017. Kết quả cho thấy, các thị trường nhập khẩu chính của nước ta (có thị phần nhập khẩu từ 4% trở lên) là: Trung Quốc, ASEAN, EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ. Năm 2017, Hoa Kỳ là đối tác nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam (18,08%), tiếp theo lần lượt là: EU (17,78%), Trung Quốc (16,45%), ASEAN (10,08%), Nhật Bản (7,81%) và Hàn Quốc (6,88%).

Có thể nói, mỗi thị trường xuất khẩu trên đều có cơ hội và thách thức nhất định. Trung Quốc và ASEAN là hai đối tác truyền thống của nước ta. Thuận lợi cơ bản khi xuất khẩu sang các thị trường này là chi phí vận chuyển thấp do vị trí địa lý gần Việt Nam. Tuy nhiên, do cơ cấu hàng hóa xuất, nhập khẩu hai chiều có sự tương đồng lớn nên XKHH của

*Nguồn: Tính toán của tác giả từ UN Comtrade [13]* nước ta vào các thị trường này sẽ đối mặt với cạnh tranh ngày càng gay gắt. Với Hoa Kỳ, thị trường có trình độ phát triển rất cao. Tương tự EU, Hoa Kỳ hiện vẫn duy trì chương trình ưu đãi thuế quan dành Việt Nam, nước đang phát triển. Tuy vậy, nước này đã chính thức rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Do vậy, hoạt động XKHH sẽ không còn nhiều đột phá như kỳ vọng. Với Nhật Bản, mặc dù nước này là nhà tài trợ ODA lớn nhất cho Việt Nam hiện nay nhưng lại không có thế mạnh về dân số. Trong khi đó, EU nổi lên là thị trường nhập khẩu nhiều triển vọng của Việt Nam hiện nay bởi vì cơ cấu hàng hóa trao đổi giữa 2 bên ít cạnh tranh mà có tính bổ sung cao, quy mô của thị trường lớn. Hiệp định EVFTA đã chính thức kết thúc đàm phán và khả năng sẽ có hiệu lực thực thi trong tương lai gần [8].



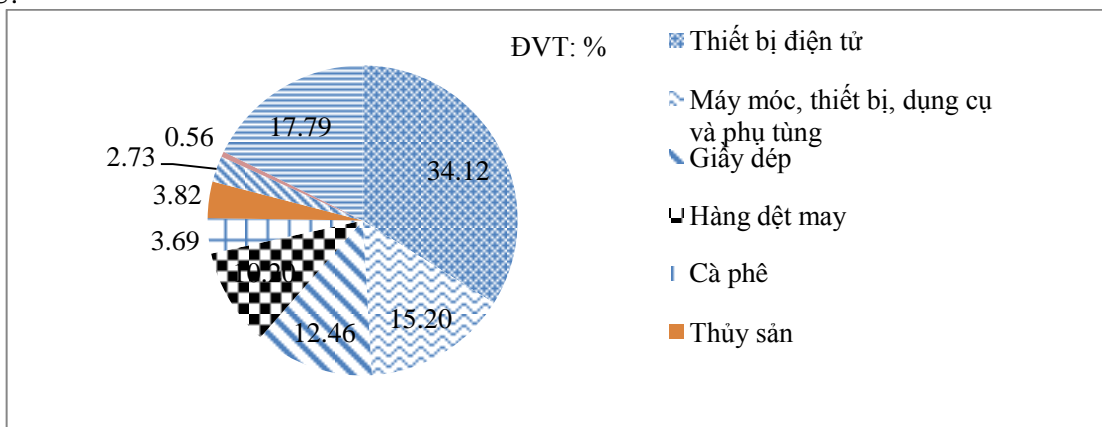
Hình 1: Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang một số đối tác lớn giai đoạn 2013 -2017

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ UN Comtrade [13]

### 3.2. Khái quát về hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU

Thị trường EU hiện là đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam, chỉ sau Trung Quốc. Giai đoạn 2005 - 2017, kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam – EU đã tăng gấp 6,39 lần, từ mức 7,886 tỷ USD năm 2005 lên 50,426 tỷ USD vào năm 2017. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 16,72%. EU cũng là thị trường nhập khẩu lớn thứ hai của Việt Nam, là điểm đến của 19,31% KNXK của Việt Nam năm 2017. Liên tục nhiều năm qua, Việt Nam đóng vai trò nước xuất siêu sang EU.

Tuy vậy, hoạt động XKHH có sự chênh lệch khá lớn giữa các mặt hàng. Số liệu ở Hình 2 phân ánh cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng chính của Việt Nam sang thị trường EU năm 2017 [13]. Kết quả cho thấy, ở vị trí cao nhất là nhóm hàng thiết bị điện tử (34,12%), tiếp theo đó là: máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng (15,2%), giày dép (12,46%), hàng dệt may (10,2%), cà phê (3,69%), thủy sản (3,82%), gia vị (2,73%) [13]. Chỉ riêng các mặt hàng này đã chiếm gần 90% KNXK của Việt Nam tại thị trường EU.



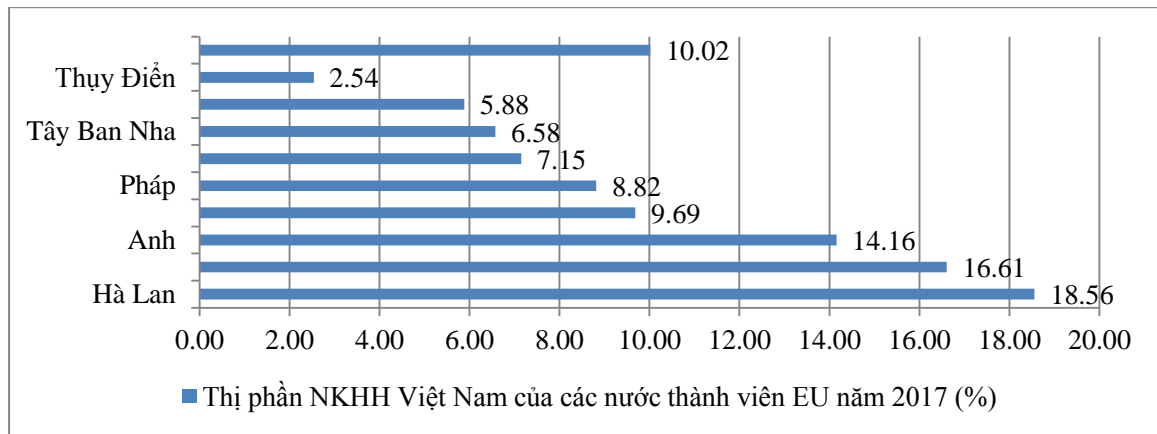
Hình 2: Thị phần xuất khẩu một số nông sản chính của Việt Nam tại thị trường EU năm 2017

Nguồn: Tính toán của tác giả từ UN Comtrade [13]

Xét về cơ cấu thị trường xuất khẩu, mặc dù Việt Nam đã thực hiện xuất khẩu sang hầu hết các thành viên EU nhưng KNXK giữa các quốc gia có sự chênh lệch khá lớn. Các đối tác lớn của Việt Nam là: Áo, Bỉ, Đức, Tây Ban Nha, Pháp, Anh, Italia, Hà Lan, Thụy Điển (Các nước này có thị phần NKHH từ 2,5% trở lên). Năm 2017, chỉ riêng 9 nước nước này đã chiếm xấp xỉ 90% KNXK của Việt Nam tại thị trường EU (Hình 3).

Ngược lại, KNXK của Việt Nam sang các nước khác rất thấp. Đây là một bất cập lớn trong XKHH mà nước ta cần giải quyết.

Như vậy, bên cạnh sự tăng trưởng khá ấn tượng, hoạt động XKHH của Việt Nam vào thị trường EU vẫn còn một số hạn chế: thị phần chưa cao, cơ cấu mặt hàng và thị trường xuất khẩu còn chưa đa dạng và bị mất cân đối lớn.



Hình 3: Thị phần nhập khẩu hàng hóa Việt Nam của các nước thành viên EU năm 2017

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ UN Comtrade [13]

### 3.3. Kết quả kiểm định và ước lượng mô hình

#### 3.3.1. Kết quả kiểm định mô hình

**Bước 1:** Kiểm định lựa chọn loại MH.

Kiểm định LM cho giá trị p-value = 0,000 → bác bỏ giả thuyết  $H_0$ : Không tồn tại hiệu ứng mảng. Nói cách khác, mô hình hiệu ứng mảng được lựa chọn.

Đối với kiểm định Hausman, p-value = 0,687 → mô hình REM được lựa chọn. Kết quả ước lượng mô hình REM cũng cho thấy, giá trị p-value = 0,0000 nên MH có ý nghĩa (giả thuyết  $H_0$ : các hệ số hồi quy bằng 0 bị bác bỏ).

**Bước 2:** Kiểm định các khuyết tật cơ bản.

Đối với hiện tượng đa cộng tuyến: Kết quả từ ma trận tương quan cho thấy, hệ số tương quan giữa các cặp biến độc lập có giá trị không lớn. Mức độ đa cộng tuyến trong mô hình này duy trì ở mức chấp nhận được.

Đối với hiện tượng tự tương quan: Kiểm định LM cho giá trị p-value = 0,000 → mô hình có hiện tượng tự tương quan.

Đối với hiện tượng phương sai sai số thay đổi: Kiểm định nhân tử Lagrange trong REM cho giá trị p-value = 0,000 → mô hình có hiện tượng phương sai sai số thay đổi.

Để khắc phục cả 2 hiện tượng trên, nghiên cứu sử dụng kiểm định “sai số chuẩn mạnh theo nhóm”.

#### 3.3.2. Kết quả ước lượng mô hình và một số gợi ý giải pháp

Tổng số biến của mô hình là 8 biến (biến phụ thuộc và 7 biến độc lập); tổng số quan sát là 338 (số quan sát = 26 nước thành viên EU x 13 năm = 338).

Kết quả ước lượng mô hình (sau khi đã khắc phục các khuyết tật) được thể hiện trong bảng 2:

Bảng 2: Kết quả ước lượng mô hình REM

Biến	Hệ số hồi quy	Kiểm định z	Giá trị p
Hệ số chặn	- 5,292	- 1,45	0,147
Ln (GDP <sub>it</sub> *GDP <sub>it</sub> )	1,187	9,22	0,000***
Ln (POP <sub>it</sub> *POP <sub>it</sub> )	0,522	0,73	0,067*
Ln (DIST <sub>ij</sub> )	- 0,03	- 0,23	0,019**
Ln(INST <sub>it</sub> *INST <sub>jt</sub> )	1,055	1,87	0,061*
TECHGAP <sub>ijt</sub>	- 0,169	- 1,44	0,015**
WTO	0,17	0,23	0,015**
HIS	- 0,265	- 0,92	0,160

Biến phụ thuộc: LN (EX<sub>ijt</sub>)  
Số quan sát: 338  
Số lượng nhóm: 26  
Hệ số xác định của mô hình: 0,875

Ghi chú: \*, \*\*, \*\*\* tương ứng với các mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,1; 0,05; 0,01

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ phần mềm Stata 11 [13]

Kết quả cho thấy, hệ số  $R^2 = 0,875$ , như vậy, các yếu tố trong mô hình đã giải thích được 87,5% sự tác động đến KNXX. Những yếu tố tác động có ý nghĩa thống kê tới KNXX là: GDP, dân số, khoảng cách địa lý, chất lượng thể chế, khoảng cách công nghệ và việc tham gia vào WTO. Cụ thể:

*Một là*, GDP góp có tác động cùng chiều tới KNXX. Khi hệ số này tăng 1% thì KNXX tăng 1,187%. Kết quả này phù hợp với giả thuyết và nghiên cứu của Do Tri Thai (2006), Từ Thúy Anh và cộng sự (2008). Đây cũng là yếu tố tác động mạnh nhất tới KNXX. Kết quả này tương đối hợp lý bởi vì GDP đại diện cho cả năng lực sản xuất và quy mô của nền kinh tế. Dưới khía cạnh đại diện cho năng lực sản xuất, kết quả này cho thấy nếu khả năng sản xuất của nền kinh tế nước ta được cải thiện thì KNXX cũng gia tăng. Với ý nghĩa đại diện cho quy mô nền kinh tế, kết quả này phản ánh khi Việt Nam xuất khẩu sang các nước có GDP lớn thì KNXX cũng gia tăng.

Như vậy, các giải pháp tương ứng là Việt Nam cần cải thiện năng lực của nền kinh tế, đồng thời tiếp đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước có GDP cao.

*Hai là*, dân số góp có tác động cùng chiều tới KNXX. Khi hệ số này tăng 1% thì KNXX tăng 0,522%. Dân số là chỉ tiêu đại diện cho cả sự dồi dào của yếu tố sản xuất (lao động) và quy mô thị trường. Do vậy, giải pháp tương ứng là nước ta cần nâng cao chất lượng lao động đầu vào, đồng thời mở rộng quy mô thị trường xuất khẩu. Giải pháp này có tính khả thi bởi như đã phân tích, KNXX vào một số thành viên EU còn rất khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng.

*Ba là*, khoảng cách địa lý có tác động ngược chiều tới KNXX. Điều này khác với phân tích của Do Tri Thai (2006), Từ Thúy Anh và cộng sự (2008). Tuy nhiên, theo nhóm nghiên cứu kết quả này khá phù hợp với thực tế vì chi phí vận chuyển hàng hóa của nước ta hiện nay khá lớn, ảnh hưởng tiêu cực đến XKHH 0. Số liệu ước lượng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giảm chi phí vận chuyển trong hoạt động XKHH.

*Bốn là*, chất lượng thể chế có tác động cùng chiều tới KNXX. Khi hệ số này tăng 1% thì KNXX tăng 1,055%. Có thể thấy, chất lượng thể chế ảnh hưởng mạnh tới KNXX. Nguyên nhân bởi vì chất lượng thể chế nước ta hiện nay chưa cao. Cụ thể, chất lượng chính sách và năng lực điều hành của cơ quan quản lý Nhà nước còn nhiều hạn chế [7]. Đây cũng là rào cản ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh doanh nước

ta. Một trong những cam kết của nước ta khi tham gia đàm phán Hiệp định EVFTA là cải cách thể chế. Nói cách khác, nâng cao chất lượng thể chế là yêu cầu cấp bách hiện nay.

*Năm là*, khoảng cách công nghệ có tác động ngược chiều tới KNXX. Nếu hệ số này tăng 1 đơn vị thì KNXX sẽ giảm  $|e^{-0,169} - 1|$ , tương đương 0,155 đơn vị. Số liệu này tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp nước ta.

*Sáu là*, việc gia nhập WTO sẽ tác động tích cực tới KNXX. Nếu tham gia vào tổ chức này sẽ làm KNXX tăng  $(e^{0,17} - 1)$ , tương đương 17% so với trước đây. Như vậy, hội nhập đã mang lại những tác động tích cực tới XKHH. Giải pháp cần thực hiện là nước ta cần có chiến lược khai thác hiệu quả các lợi ích của các Hiệp định Thương mại Tự do thể hệ mới như EVFTA sẽ mang lại.

#### **4. Kết luận**

Kết quả ước lượng mô hình trọng lực mở rộng cho thấy, trong giai đoạn 2005 - 2017, các yếu tố: GDP, dân số, chất lượng thể chế và việc gia nhập WTO có tác động cùng chiều tới KNXX. Trong khi đó, các yếu tố: Khoảng cách địa lý, khoảng cách công nghệ ảnh hưởng ngược chiều tới KNXX. Tác động của yếu tố “lịch sử” là ngược chiều nhưng không có ý nghĩa thống kê. Những kết quả này đều cơ bản phù hợp với giả thuyết nghiên cứu.

Những kết quả này có thể giúp chính phủ và các cơ quan thực thi chính sách nước ta một số gợi ý giải pháp sau để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường EU. Thứ nhất, cần tập trung nâng cao chất lượng nguồn lực đầu vào, cải tiến trình độ công nghệ, năng lực sản xuất của nền kinh tế đồng thời giảm chi phí vận chuyển hàng hóa. Thứ hai, tích cực nâng cao chất lượng thể chế thông qua cải thiện chất lượng chính sách và năng lực điều hành của cơ quan Nhà nước. Thứ ba, xây dựng chiến lược khai thác hiệu quả các lợi ích của Hiệp định EVFTA. Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu sang các đối tác truyền thống (có GDP cao), đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu sang các thành viên tiềm năng của EU.

*Lời thừa nhận:* Bài báo này là sản phẩm của đề tài cấp Trường: “Phân tích tình hình xuất khẩu các nhóm hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU”. Mã số: SV2018 - EC - 02.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Từ Thúy Anh, Đào Nguyên Thắng. (2008). Các nhân tố ảnh hưởng tới mức độ tập trung thương mại của Việt Nam với Asean+3. *Bài nghiên cứu NC-05/2008*, Trung tâm nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2]. Diễn đàn kinh tế thế giới. (2016). *Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu giai đoạn 2005 - 2016*
- [3]. Eyayu. (2014). Determinants of Agricultural Export in Sub-Saharan Africa: Evidence from Panel Study. *American Journal of Trade and Policy*, 1(3), pp.13-22.
- [4]. Filippini C., Moloni V. (2003). The determinants of East Asian trade flows: a gravity equation approach. *Journal of Asian Economics*, 14, pp.695-711.
- [5]. Hatab A.A, Romstad E., Huo X. (2010). Determinants of Egyptian Agricultural Exports: A Gravity Model Approach. *Modern Economy*, 1, pp.134-143.
- [6]. <http://www.timeanddate.com>, ngày 03 /12 /2018
- [7]. <http://luatsungaynay.vn/news/Thoi-su-trong-nuoc/Chat-luong-the-che-quyet-dinh-nang-luc-canh-tranh-688/>, ngày 05/12/ 2018
- [8]. Đỗ Thị Hòa Nhã. (2018). Các yếu tố tác động đến xuất khẩu nông sản Việt Nam vào thị trường EU. *Luận án Tiến sĩ Kinh tế*, Đại học Thái Nguyên.
- [9]. Poyhonen P. (1963). A tentative Model for the volume of Trade between Countries. *Weltwirtschaftli-ches Archiv*, 90, pp. 93 - 99.
- [10]. Rahman M.M. (2003). *A panel data analysis of Bangladesh' trade: the gravity model approach*. University of Sydney.
- [11]. Do Tri Thai. (2006). *A gravity model for trade between Vietnam and twenty-three European countries*. Dalarna University, School of Technology and Business Studies, Economics.
- [12]. Timbergen. (1962). *Shaping the World Economy: Suggestions for an International Economics Policy*. New York: Twentieth Century Fund.
- [13]. The United Nations Commodity Trade Database. (2018).

---

**Thông tin tác giả:**

**1. Vũ Bạch Diệp**

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD

- Địa chỉ email: [vubachdiiep.tn@gmail.com](mailto:vubachdiiep.tn@gmail.com)

**2. Nguyễn Thị Phương Thảo**

- Đơn vị công tác: Khoa Quản lý – Luật Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế & QTKD

**3. Ngô Hoài Thu**

- Đơn vị công tác: Sinh viên lớp K12-KTĐT, Trường ĐH Kinh tế & QTKD

Ngày nhận bài: 22/11/2018

Ngày nhận bản sửa: 3/12/2018

Ngày duyệt đăng: 28/12/2018